

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 566/2023/HSST
Ngày 24 - 10 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Hồng Ngọc
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên
Ông Huỳnh Phi Hồ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh N - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 573/2023/TLST-HS ngày 05/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 569/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân H, sinh năm 1996 tại Đồng Nai. Nơi đăng ký thường trú: **Tổ A, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**; Nơi cư trú: **Tổ A, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Xuân T**, sinh năm: 1953 (đã chết) và bà **Lê Thị N1**, sinh năm: 1957 (đã chết); Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 06 trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 06/04/2021, bị **Công an huyện X**, tỉnh Nam Định xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Quyết định số 37)

Bị bắt tạm giữ ngày 02/8/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ **Công an thành phố B** theo Quyết định tạm giam của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- *Bị hại:* Ông **Phan Thế M**, sinh năm 1992

Địa chỉ: **Tổ A, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Tiệm cầm đồ Lê Quang

Địa chỉ: 24, **tổ A, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Lê Văn M1**, sinh năm 1993
Địa chỉ: **B, tổ A, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**. (vắng mặt)
2. Bà **Nguyễn Thị Xuân H1**, sinh năm 1993
Địa chỉ: **Tổ A, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân H sống cùng vợ chồng chị gái ruột là **Nguyễn Thị Xuân H1** – sinh năm 1993 và anh rể là **Phan Thế M** – sinh năm 1992 tại địa chỉ: **tổ A, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**. Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 13/02/2023 lợi dụng ông **M** và bà **H1** đang ngủ. **H** đã lén lút lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng, BKS: 60B4-510.23 (ông **Phan Thế M** đứng tên chính chủ) đang để ở trong nhà, sau đó **H** điều khiển xe tới tiệm cầm đồ **Lê Q** tại địa chỉ **số B, tổ A, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** do ông **Đậu Văn K** làm chủ. Tại đây **H** gặp ông **Lê Văn M1** là quản lý tiệm cầm đồ, **H** cầm xe với giá 9.000.000 đồng (chín triệu đồng), rồi bỏ đi đâu không ai biết. Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 13/02/2023 ông **Phan Thế M** phát hiện mất xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng, BKS: 60B4-510.23 nên đã trình báo **Công an phường P**. Sau đó vụ việc được chuyển hồ sơ tới Cơ quan điều tra **Công an thành phố B** thụ lý theo thẩm quyền. Qua trích xuất camera ông **Phan Thế Minh** xác định người lấy trộm xe là **Nguyễn Xuân H**.

Ngày 06/7/2023 Cơ quan điều tra **Công an thành phố B** đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với **Nguyễn Xuân H**. Ngày 02/8/2023 **Nguyễn Xuân H** bị bắt tạm giam.

Tại Cơ quan điều tra **H** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô hiệu xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng, BKS: 60B4-510.23, xe có giấy tờ hợp pháp, qua điều tra xác minh là tài sản của ông **Phan Thế M**. Cơ quan CSĐT **Công an thành phố B** đã ra quyết định xử lý vật chứng trả chiếc xe cho ông **Phan Thế M**.

- 01 (một) USB do anh **Phan Thế M** cung cấp có lưu trữ hình ảnh liên quan đến việc **Nguyễn Xuân H** thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, USB được niêm phong kèm theo hồ sơ vụ án.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 91/KL-HĐDGTS ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự **thành phố B** kết luận: 01 (một) xe mô tô, gắn máy biển số 60B4-510.23 có trị giá 17.994.000 đồng (mười bảy triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 568/CT-VKSBH ngày 02/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo: **Nguyễn Xuân H** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Xuân H** phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ tại phiên tòa bị cáo **Nguyễn Xuân H** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết

giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhân thân xấu nên đề nghị xử phạt bị cáo từ 10 (mười) đến 12 (mười hai) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Ông **Phan Thế M** cùng vợ là bà **Nguyễn Thị Xuân H1** đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

+ Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585 Bộ luật dân sự đề nghị Tòa án tuyên buộc bị cáo **Nguyễn Xuân H** bồi thường cho **T1** cầm đồ **Lê Q** số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) theo yêu cầu của ông **Lê Văn M1** là người đại diện theo uỷ quyền của **T1** cầm đồ **Lê Q**.

Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô hiệu xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng, BKS: 60B4-510.23, xe có giấy tờ hợp pháp, qua điều tra xác minh là tài sản của ông **Phan Thế M**. Cơ quan CSĐT **Công an thành phố B** đã ra quyết định xử lý vật chứng trả chiếc xe cho ông **Phan Thế M**.

- 01 (một) USB do ông **Phan Thế M** cung cấp có lưu trữ hình ảnh liên quan đến việc **Nguyễn Xuân H** thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, USB được niêm phong kèm theo hồ sơ vụ án.

- Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Xuân H** đồng ý bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Tiêm cầm đồ Lê Q** số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

- Đối với hành vi của ông **Lê Văn M1** do không biết chiếc xe mô tô **Nguyễn Xuân H** cầm cố là do **Nguyễn Xuân H** trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý hình sự về hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Bị cáo **Nguyễn Xuân H** không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời nói sau cùng bị cáo không nói gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Người bị hại ông **Phan Thế M**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Văn M1** là người đại diện theo uỷ quyền của **T1** cầm đồ **Lê Q**, bà **Nguyễn Thị Xuân H1** vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt). Xét thấy việc vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án do trong hồ sơ đã có đủ lời khai nên căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự Tòa án xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ, kết quả định giá tài sản có tại hồ sơ. Qua đó, đã có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 04 giờ 00 phút ngày 13/02/2023 trong nhà **tổ A, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** **Nguyễn Xuân H** có hành vi trộm cắp 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision

màu trắng biển số 60B4 – 510.23 có trị giá 17.994.000 đồng (*mười bảy triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng*) của ông **Phan Thế M** là chồng của chị gái bị cáo. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tù có thời hạn, tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo cũng như có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5]. Xét nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

- Ông **Phan Thế M** cùng vợ là bà **Nguyễn Thị Xuân H1** đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Văn M1** là người đại diện theo uỷ quyền của **T1** cầm đồ **Lê Q** yêu cầu bị cáo **Nguyễn Xuân H** bồi thường số tiền 9.000.000 đồng (*chín triệu đồng*) và bị cáo **Nguyễn Xuân H** đồng ý bồi thường cho **T1** cầm đồ **Lê Q** số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

Đối với hành vi của ông **Lê Văn M1** do không biết chiếc xe mô tô **Nguyễn Xuân H** cầm cố là do **Nguyễn Xuân H** trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý hình sự về hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- 01 (*một*) xe mô tô hiệu xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng, BKS: 60B4-510.23, xe có giấy tờ hợp pháp, qua điều tra xác minh là tài sản của ông **Phan Thế M**. Cơ quan CSĐT **Công an thành phố B** đã ra quyết định xử lý vật chứng trả chiếc xe cho ông **Phan Thế M**.

- 01 (*một*) USB do ông **Phan Thế M** cung cấp có lưu trữ hình ảnh liên quan đến việc **Nguyễn Xuân H** thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, USB được niêm phong kèm theo hồ sơ vụ án.

[8]. Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Xuân H** phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 đồng (*bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[9]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Xuân H** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Xuân H**: 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/8/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, Điều 585 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo **Nguyễn Xuân H** có nghĩa vụ bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tiệm cầm đồ **Lê Q** số tiền 9.000.000 đồng (*chín triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo **Nguyễn Xuân H** phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 đồng (*bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Người có mặt thời hạn tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt thời hạn tính từ ngày nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Bộ phận T.H.A hình sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Hồng Ngọc